**UBND QUẬN LONG BIÊN**

**TRƯỜNG MẦM NON TUỔI HOA**

**DỰ KIẾN NỘI DUNG – HOẠT ĐỘNG**

**KHỐI MẪU GIÁO LỚN- NĂM HỌC 2016- 2017**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Thời gian**  **thực hiện** | | | | | | | | | **Nội dung – Hoạt động** |
| **LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** | | | | | | | | | | |
| **\* Phát triển vận động** | | | | | | | | | | |
| **1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp** | | | | | | | | | | |
| Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài tập TD theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. | x | x | x | x | x | x | x | x | x | - Hô hấp: Gà gáy, máy bay ù ù, thổi bóng,  - Tay:  + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).  + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.  - Lưng, bụng, lườn:  +Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.  +Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.  +Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.  - Chân:  +Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.  +Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau  - Bật;  + Chân sáo.  + Chụm tách.  + Tiến, lùi. |
| **2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động** | | | | | | | | | | |
| 2.1 Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:  - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30cm) một đầu kê cao 30cm  - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế TD  - Đứng 1 chân và giữ thăng bằng trong 10 giây | x | x | x |  |  |  |  |  |  | **\*Đi và chạy:**  - §i b»ng mÐp ngoµi bµn ch©n ,®i khuþu gèi.  - Đi và đập bắt bóng bằng 2 tay  - Đi thăng bằng trên ghế thể dục  - Đi nối bàn chân tiến, lùi.  - Đi và đập bắt bóng.  - Đi trên dây ( dây đặt trên sàn)  - Chạy chậm khoảng 100- 120m  - Chạy thay đổi tốc độ, theo hướng, theo hiệu lệnh.  - Chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian  **\*Bò, trườn, trèo:**  - Bò chui qua cổng ( Khoảng cách 3- 4m)  - Bò qua 5-6 điểm dích dắc cách nhau1,5m.  - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4- 5m ( bò cao)  - Bò chui qua cổng ( 1,5m x 0,6m)  - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m  - Trèo lên xuống ghế cao 35 cm  - Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5 m.  **\*Tung, bắt, ném:**  **-** Tung bóng lên cao và bắt bóng  - Tung đập bóng tại chỗ  - Ném xa bằng một tay.  - Ném trúng đích bằng hai tay  **-** Chuyền bóng qua đầu qua chân.  - Ném trúng đích nằm ngang  - Ném xa bằng hai tay khoảng cách 4 m, chạy nhanh 15m.  - Ném trúng đích nằm ngang  - Đập và bắt bóng ( đường kính bóng 15cm)  - Ném và bắt bóng bằng 2 tay khoảng cách 4m.  - Ném trúng đích thẳng đứng.  **\*Bật, nhảy:**  **-** Nhảy xuống từ độ cao 40- 50 cm  - Bật xa 40- 50cm  - Bật xa, ném xa bằng một tay,chạy nhanh 10m.  - Nhảy lò cò 5m.  - Bật liên tục vào vòng (qua 4- 5 vòng)  - Bật qua vật cản 10- 15 cm  **\*Trò chơi vận động:**  - Ai đã ra khỏi hàng, Chuyền bóng sang hai bên, thi đi nhanh, chuyền bóng qua đầu, Ai biết bảo vệ cơ thể, Gia đình nào khéo hơn, chọn đồ dùng học tập, Chạy tiếp sức, bác đưa thư, hoa tìm lá lá tìm hoa, ghép tranh, thử tài đoán vật, còn thiếu cái gì, tung bắt bóng với bạn, ném bóng vào rổ, qua cầu lấy củ, thi xem tổ nào nhanh, nhảy lò cò, ô tô rời bến, đập và bắt bóng, lộn cầu vồng, gấu con vào rừng, con vật này đi như thế nào, còn thiếu cái gì, ghép tranh về trường tiểu học, chuyển thực phẩm về kho, vẽ theo bài hát, ai chọn nhanh nhất, các bộ phận cơ thể, ngửi hoa, thổi bóng, bé thích ăn gì?, trồng cây, dự báo thời tiết, con vật này đi như thế nào, ai sống trong ngôi nhà này, cướp cò, tôi vui tôi buồn, những bạn cùng nhóm, bé hãy chọn đúng, ai tinh mắt, mèo đuổi chuột, hái quả, tôm cua cá thi tài, cây cần gì đẻ sống, ai khéo tay nhất, thử tài của bé.  **\*Trò chơi dân gian:**  **-**Kéo co, rồng rắn lên mây, lộn cầu vồng, cắp cua, mèo đuổi chuột, ô ăn quan, bịt mắt bắt dê, trồng nụ trồng hoa, nu na nu nống, Nhảy bao bố,lúa ngô khoai sắn. |
| 2.2 Kiểm soát được vận động:  - Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần) |  |  |  |  |  |  | x | x | x |
| 2.3 Phối hợp tay- mắt trong vận động:  - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m)  - Ném trúng đích đứng (xa 2m- cao 1,5m)  - Đi, đập và bắt bóng được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp | x | x | x | x |  | x |  |  |  |
| 2.4 Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:  - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây  - Bò vòng qua 5-6 điểm dích dắc cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu | x | x |  |  |  |  | x | x |  |
| - Bật xa tối thiểu 50cm *(CS1)*  - Nhảy xuống từ độ cao 40cm *(CS2)*  - Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất. *(CS4)*  - Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu *(CS9)*  - Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian *(CS13)*  - Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút *(CS14)*  - Biết hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang hút thuốc. *( CS 26)* |  | x | x | x | x |  | x  x | x |  |
| **3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt** | | | | | | | | | | |
| 3.1 Thực hiện được các vận động:  - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay  - Gập, mở lần lượt từng ngón tay |  |  |  |  |  |  |  |  | x | - TC: Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay  - TC: Gập, mở lần lượt từng ngón tay  - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số  - Cắt theo đường viền của hình vẽ  - Xếp chống 12-15 khối theo mẫu  - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu  - Cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, đóng, mở  phec mơ tuya. Cởi giày, đi giày.đóng mở đai da,cắt  - Bẻ nắn.  - Lắp ráp. |
| 3.2 Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động:  - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số  - Cắt được theo đường viền của hình vẽ  - Xếp chống 12-15 khối theo mẫu  - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu  - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, đóng, mở phec mơ tuya. | x | x | x |  |  |  | x |  |  |
| **\* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe** | | | | | | | | | | |
| **1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe** | | | | | | | | | | |
| 1.1 Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:  - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá…  - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả… |  |  |  | x |  |  |  |  |  | - Phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.  - Thực hành một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.  - Nhận biết các bữa ăn trong ngày, ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.  - Làm bài tập nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy,  sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…). |
| 1.2 Nói được tên 1 số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.3 Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nước ngọt, nước có ga, ăn đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe. |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| **2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt** | | | | | | | | | | |
| 2.1 Thực hiện được một số việc đơn giản.  - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự rủa mặt, đánh răng  - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi qui định  - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giật nước cho sạch | x | x |  |  | x |  |  | x |  | - Tập luyện kĩ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.  - Thực hành đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.  Thực hành: cách cầm dao, kéo, dĩa,cách rót nước, cách sử dụng đũa, |
| 2.2 Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo | x | x | x | x |  |  |  |  |  |
| Biết cách: Đóng mở đai da; chuẩn bị giờ ăn nhẹ; mời trà, rửa cốc; vắt khăn ướt; đánh giầy; cắt dưa chuột; Tự chải tóc; sử dụng được dao, dĩa, đũa…. | x | x | x | x | x | x | x | x | x | Thực hành: Đóng mở đai da; chuẩn bị giờ ăn nhẹ; mời trà, rửa cốc; vắt khăn ướt; đánh giầy; cắt dưa chuột; Tự chải tóc; sử dụng được dao, dĩa, đũa…. |
| **3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khoẻ** | | | | | | | | | | |
| 3.1 Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:  - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn  - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn  - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.  - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. | x | x |  |  |  |  |  |  |  | - Thực hành: mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. Che miệng khi ho, hắt hơi  - Làm bài tập nhận biết: không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.  - Thực hành: vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. Đi vệ sinh đúng nơi quy định. Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.  - Xử lý tình huống, phát hiện Đ- S trong tranh để nhận biết: ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh  - Nghe chuyện, xem clip phát hiện yêu cầu: nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.  **-** Thực hiện đi vệ sinh đúng nơi quy định |
| 3.2 Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:  - Che miệng khi ho, hắt hơi  - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.  - Ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh  - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.  - Đi vệ sinh đúng nơi quy định  - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp. | x | x | x |  |  |  | x |  |  |
| **4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh** | | | | | | | | | | |
| 4.1 Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn |  | x | x |  |  |  |  |  |  | - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.  - Xem clip, lựa chọn tranh ảnh phát hiện: bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn  - Xem clip, tranh ảnh, trò chuyện nhận biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm, chia sẻ về mối nguy hiểm khi đến gần  - Nghe đọc sách nhận biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc..không tự ý uống thuốc; ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe  - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.  - Xử lý tình huống khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu...  - Nghe đọc sách, xử lý tình huống: khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi; ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.  - Bài tập TH: Cách hỏi, gọi người lớn giúp đỡ khi bị lạc.  - Dạy trẻ Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.  - Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.  - Quan sát tranh phát hiện Đ- S, xem clip nhận biết: sau giờ học về nhà ngay không tự ý đi chơi. Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. Không leo trèo cây, ban công, tường rào… |
| 4.2 Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần |  |  | x | x | x | x |  |  |  |
| 4.3 Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh  - Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc..  - Biết không tự ý uống thuốc  - Biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe |  |  | x | x | x |  |  |  |  |
| 4.4 Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.  - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu...  - Biết tránh một số trường hợp không an toàn:  + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.  + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.  - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. |  |  |  |  | x | x | x | x |  |
| 4.5 Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:  - Sau giờ học về nhà ngay không tự ý đi chơi.  - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.  - Không leo trèo cây, ban công, tường rào… | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| **LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** | | | | | | | | | | |
| ***\* Khám phá khoa học*** | | | | | | | | | | |
| **1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **\*Hoạt động học:**  - Tìm hiểu Tết trung thu  -Trường mầm non của bé  - Cô bác trong trường mn.  - Cơ thể của bé.Tôi có thể làm nhiều việc.  - Ngày của mẹ và cô 20/10.  - Gia đình tôi.  - Cô công nhân vệ sinh môi trường.  - Nghề thiết kế thời trang.  - Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11.  - Một số nghề phổ biến ở địa phương.  - Lớn lên bé làm nghề gì?  - Gà con ra đời như thế nào?  - Những con vật sống ở khắp nơi.  - Noel, Ngày quân đội 22/12.  - Tết dương lịch.  - Cây xanh và môi trường sống.  - Sự phát triển của cây.  - Phân nhóm các loại rau.  - Phong tục ngày tết âm lịch.  - Bé đi khắp nơi bằng phương tiện gì?  - Một số biển bá giao thông.  - Luật lệ giao thông đường bộ.  - Bốn mùa.  - Chào mừng ngày 8/3.  - Nước thật kỳ diệu.  - Mùa hè.  - Giỗ tổ Hùng Vương.  - Phường Phúc Lợi của bé.  - Thủ đô Hà Nội.  -Việt Nam đất nước tôi.  - Đồ dùng bé chuẩn bị học lớp 1.  - Trường tiểu học.  - Bác Hồ.  **\* Hoạt động khác:**  - Xem clip về tết trung thu, làm đồ chơi trung thu, bày mâm ngũ quả. Chụp ảnh cho bạn, nói tên và đặc điểm của bạn trong lớp, trao đổi lấy thông tin về bạn và đánh dấu vào các hình minh họa. Nói tên cô, công việc của các cô bác trong trường. Giao lưu trò chuyện lấy một số thông tin về các cô bác trong trường. Vẽ chân dung, công việc, sao chép tên của cô bác trong trường mầm non.  Tìm hiểu điều kiện để cơ thể tôi phát triển. - Soi gương: Nói hình dáng bên ngoài của bản thân. Vẽ chân dung. Xem ảnh nói sự khác biệt của bản thân về hình dáng, tính cách, sự thay đổi của cơ thể theo thời gian. Lập biểu đồ về bản thân (Những việc làm được/ Những việc không làm được. Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu về trường. Làm quà tặng, biểu diễn văn nghệ, Nghề của người thân trong gia đình tôi. Ngày nhà giáo Việt Nam. Ngày vui trong gia đình.  - Sưu tầm ảnh gia đình; giới thiệu tên, tuổi, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình. Kể địa chỉ, số điện thoại của gia đình. Xem tranh ảnh, vật thật (sản phẩm, dụng cụ của nghề) đoán tên nghề và kể những hiểu biết về nghề đó. phân loại dụng cụ, sản phẩm của một số nghề. Làm bưu thiếp ( sao chép, tô đồ các câu từ bày tỏ tình cảm) tặng cô giáo và các cô bác trong trường. Chụp ảnh gia đình, mang các món quà kỷ niệm đến lớp chia sẻ, vẽ tranh về các ngày vui của gia đình.Làm bài tập xử lý tình huống.  -Tìm hiểu động vật, Tìm hiểu cách chăm sóc và bảo vệ các con vật. Tìm hiểu một số hoạt động đón chào năm mới, Noen.  - Xem clip về môi trường sống của các loài động vật, sưu tầm tranh, ảnh những con vật làm các con vật từ vật liệu phế thải. Nghe, phân biệt tiếng kêu của các con vật; chọn và đặt tên chung cho nhóm con vật, lập biểu đồ cột về số lượng con vật theo nơi sống. Xem clip thế giới động vật. Làm bài tập về hành vi Đúng – Sai của con người với động vật. Nghe chuyện và xem clip về bảo vệ động vật quý hiếm. Sáng tạo biển báo hướng dẫn cách chăm sóc và bảo vệ con vật tại vườn thú. Vẽ tranh thể hiện ý tưởng của trẻ trong bảo vệ động vật quý hiếm.Làm sõ đồ mạng về các hoạt động thường có trong dịp đón năm mới, ngày noel.  - Điều kiện sống của cây. Ích lợi của cây.  -Xem clip ảnh hưởng của tự nhiên tới con vật, cây cối. Lập biểu đồ về các nhóm cây theo các dấu hiệu khác nhau. So sánh tìm điểm giống và khác của các cây trong cùng nhóm. Làm sách tranh về các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển của cây.  - Khám phá về Bốn mùa. Ánh sáng. Không khí.  - Xếp các hình ảnh có liên quan đến mùa theo thứ tự các mùa trong năm, làm bài tập Đ- S về cách phòng bệnh và giữ gìn sức khỏe theo mùa. xem tranh- clip đoán hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra- sự khác nhau giữa ngày và đêm, làm sách về lợi và tác hại của ánh sáng mặt trời. Nghe đọc sách, xem clip về hiệu ứng nhà kính- biến đổi khí hậu. Lập sơ đồ mạng về các yếu tố làm ô nhiễm không khí, cách giữ cho nguồn không khí trong sạch.  - Một số biển báo giao thông đường bộ. Luật giao thông đường bộ đơn giản. Bé thực hành tham gia giao thông.  -Làm sưu tập tranh về nhóm PTGT, tìm hiểu tiện ích theo sơ đồ mạng. Chọn PTGT để đi du lịch, đi làm…giải thích lý do chọn. Tìm hiểu cách để các PTGT chạy được qua xem clip. Chụp ảnh, vẽ lại các biển báo đã thấy trên đường và nêu ý nghĩa. Phân loại các biển báo GT. Đoán câu đố về GT. Làm bài tập Đ- S về thực hiện luật GT đường bộ. Xem clip các hoạt động trong ngày 8/3, làm bích báo.  - Làm sách tranh về các hoạt động diễn ra trong ngày Giỗ tổ. Xem bản đồ, nhận biết vị trí địa lý- hình dáng của thủ đô, đất nước. Tìm hiểu một số món ăn, đặc sản nổi tiếng của thủ đô- vùng miền. Du lịch các vùng miền qua màn ảnh nhỏ. Đoán câu đố về quê hương đất nước.  - Tìm hiểu đồ dùng bé cần chuẩn bị khi đi học lớp Một. Một số hoạt động ở trường tiểu học. Bác Hồ kính yêu. Tạm biệt trường Mầm non Tuổi Hoa.  - Chụp ảnh khu bán đồ dùng học tập trong nhà sách, mang đồ dùng đã có đến lớp chia sẻ với các bạn. Giao lưu với các anh chị đã học lớp Một. Tham quan trường tiểu học. Đoán câu đố. Xem clip về Bác Hồ, trò chuyện về các ảnh chụp trong khu di tích Lăng Bác. |
| 1.1.Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa?”... |  |  |  | x | x |  | x |  |  |
| 1.2. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng. |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 1.3 Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển. |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 1.4 Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận. | x | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.5 Phân loại đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. |  | x |  | x |  | x |  |  |  |
| **2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tựợng và giải quyết vấn đề đơn giản** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi” |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| 2.2 Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. |  |  |  |  | x | x | x |  |  |
| **3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. | x | x |  | x | x |  |  |  |  |
| 3.2 Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình... như:  - Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề Gia đình, trường học, bệnh viện...; mô phỏng vận động / di chuyển / dáng điệu các con vật.  - Hát các bài hát về cây, con vật, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất...  - Vẽ, xé, dán, nặn các con vật, cây, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất... | x | x  x | x | x  x |  |  | x | x |  |
| ***\* Khám phá xã hội*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 Nói đúng họ,tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. |  |  |  |  |  |  | x | x | x |
| 1.2 Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. | x | x | x | x |  |  |  |  |  |
| 1.3 Nói địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố / thôn , xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện. |  |  |  | x | x | x |  |  |  |
| 1.4 Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| 1.5 Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. | x | x | x | x | x |  |  |  |  |
| 1.6 Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. |  |  |  |  |  | x | x |  |  |
| **2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...” | x | x | x | x |  |  |  |  |  |
| **3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...” | x | x | x |  |  |  |  | x | x |
| 3.2 Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước. |  |  |  |  |  | x | x | x |  |
| ***\* Làm quen với toán*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1. Nhận biết số đếm, số lượng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “ Bao nhiêu?”; “ Đây là mấy?”… | x | x | x |  |  |  |  |  |  | **\* Hoạt động làm quen với toán:**  - Ôn quy tắc sắp xếp xen kẽ 1-1 và dạy trẻ cách sắp xếp xen kẽ 1-2.  -Dạy trẻ tạo ra quy tắc sắp xếp ( Xếp xen kẽ 1-1, Xếp cách quãng 1-2-1, Xếp lặp lại...)  - Ôn nhận biết chữ số và số lượng trong phạm vi 5  - Nhận biết phân biệt khối vuông, khối chữ nhật.  - Đếm đến 6, nhận biết các nhóm có 6 đối tượng, nhận biết chữ số 6  - Nhận biết mối quan hệ hơn kém về số lượng trong phạm vi 6  - Thêm bớt, chia nhóm đồ vật có 6 đối tượng thành 2 phần.  -Đếm đến 7, Nhận biết các nhóm có 7 đối tượng, nhận biết chữ số 7  -Nhận biết mối quan hệ hơn kém về số lượng trong phạm vi 7  - Thêm bớt, chia nhóm đồ vật có 7 đối tượng thành hai phần  - Nhận biết phân biệt khối cầu, khối trụ  - Ôn nhận biết phân biệt khối cầu khối trụ  - Đếm đến 8, nhận biết các nhóm có 8 đối tượng, nhận biết chữ số 8  - Nhận biết mối quan hệ hơn kém về số lượng trong phạm vi 8  - Thêm bớt, chia nhóm đồ vật có 8 đối tượng thành hai phần.  - Xác định vị trí: Trong, ngoài, phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau, của đối tượng khác có sự định hướng.  - Nhận biết về thời gian các mùa trong năm.  - Đếm đến 9, Nhận biết nhóm có 9 đối tượng, nhận biết chữ số 9  - Nhận biết mối quan hệ hơn kém về số lượng trong phạm vi 9  - Thêm bớt, chia nhóm đối tượng có số lượng 9 thành 2 phần  - Đo độ dài 1 đối tượng bằng các đơn vị đo khác nhau, nhận biết kết quả đo.  - Đo độ dài các đối tượng bằng một thước đo, nhận biết kết quả đo.  **-** Ôn đo độ dài 1 đối tượng bằng các đơn vị đo khác nhau, nhận biết kết quả đo.  -Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo  - Đo dung tích các vật so sánh và diễn đạt kết quả đo.  - Gọi tên các ngày trong tuần, nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.  - Đếm đến 10, Nhận biết nhóm có 10 đối tượng, nhận biết chữ số 10  - Nhận biết mối quan hệ hơn kém về số lượng trong phạm vi 10  - Thêm bớt, chia nhóm đối tượng có số lượng 10 thành 2 phần  - Tạo ra một số hình học phẳng bằng các cách khác nhau.  - Ôn số lượng trong phạm vi 10  - Ôn nhận biết phân biệt khối cầu- khối trụ, khối vuông- khối chữ nhật.  - Đo các đối tượng có các kích thước khác nhau bằng một thước đo.  - Tách 10 đối tượng bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của nhóm đối tượng.  - Ôn nhận biết mối quan hệ hơn kém về số lượng trong phạm vi 10.  - Ôn tạo ra một số hình học phẳng bằng các cách khác nhau.  - Ôn gọi tên các ngày trong tuần, nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.  **\* Trò chơi học tập:**  - Trẻ trang trí số 1, 2. Sắp xếp đồ dùng, đồ chơi theo quy luật.  - Trang trí số 5,  - Vẽ đồ chơi tết trrung thu có số lượng 5.  - Sắp xếp đồ chơi trung thu theo đúng quy luật.  - Trang trí số 3, -Vẽ đồ dùng của bác cấp dưỡng có số lượng 3.  - Vẽ các loại cây có số lượng 6. - Sắp xếp các cây theo quy luật,.  - Vẽ đồ dùng gia đình có số lượng là 6, tìm chữ số liền trước, liền sau số 6.  -.Vẽ đồ dùng của một số nghề có số lượng 7. Sắp xếp đồ dùng theo quy luật.  . Tìm chữ số liền trước, liền sau số 7. Làm con vật có số lượng 8.Tìm số liền trước, liền sau số 8.  Tìm chữ số liền trước, liền sau trong phạm vi 10.  - Tìm quy luật sắp xếp các biển báo giao thông. Tìm quy luật sắp xếp các hiện tượng thiên nhiên. Trag trí số trong phạm vi 10. In hình và số, vẽ cho đủ số lượng. Tìm quy luật sắp xếp các cảnh đẹp Hà Nội, vẽ cho đủ số lượng  \* Phát hiện quy tắc sắp xếp và xếp tiếp theo quy tắc. Sáng tạo mẫu.Ghép thành cặp các đối tượng có mối liên quan.  - Làm bài tập về quy tắc sắp xếp, thực hành sắp xếp theo quy tắc bằng các dồ chơi có sẵn tại lớp, chụp ảnh các khu vực, vị trí trong trường có dấu hiệu sắp xếp theo quy tắc và trao đổi thảo luận về quy tắc sắp xếp của những bức ảnh đó.Làm bài tập ghép cặp các đối tượng có mối liên quan.  \* Ðong hạt, Ðong nước, Đo 1 đối tượng bằng nhiều thước đo,Đo nhiều đối tượng bằng một thước đo.  - Ðong các loại hạt có kích thước khác nhau.Ðo sân trường bằng cách đếm ô gạch, đo đồ dùng- đồ chơi bằng gang tay.  \* Ôn các hình hình học cơ bản. Chắp ghép các hình hình học để tạo thành hình mới theo ý thích. Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau. Khối vuông- khối chữ nhật.  Khối trụ- khối cầu. Ôn 4 khối.  - Tạo hình cơ bản bằng các cách khác nhau: cãng dây chun, nối chấm, xếp que…Làm bài tập nối đồ vật có dạng khối tương ứng, quan sát và tập gấp các hình có sẵn để tạo thành khối, chọn đúng các hình để xếp được thành khối theo yêu cầu, sờ và chọn đúng khối.  Dạy trẻ xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.  - Dạy trẻ làm bài tập xử lý tình huống.  - Dạy trẻ kể tên các ngày trong tuần theo thứ tự, tên ngày đi học, ngày nghỉ.  **\*** Tập xem giờ trên đồng hồ  - Dạy trẻ xem giờ trên một số loại đồng hồ khác nhau. Nêu tên ngày hôm qua, hôm nay, ngày mai. Kể những công việc đã, đang và sắp làm trong những ngày đó. Trò chuyện buổi sáng: thứ, ngày, tháng. Trẻ kể về những hoạt động trẻ làm ngày hôm qua. Kể những hoạt động trẻ làm trong ngày hôm nay. Đọc ngày tháng trên lịch quyển, lịch tờ. |
| 1.2 Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 1.3 So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn, ít nhất. | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 1.4 Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 1.5 Tách 1 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau | x | x | x | x | x | x |  |  |  |
| 1.6 Nhận biết các số từ 5 đến 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. | x | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.7 Nhận biết các con số sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. |  |  |  |  |  | x | x | x | x |
| **2. Sắp xếp theo qui tắc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. |  | x | x | x | x | x | x | x |  |
| 2.2 Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. |  |  |  | x | x | x | x | x |  |
| 2.3 Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp. |  |  |  |  |  |  | x | x |  |
| **3. So sánh hai đối tượng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Sử dụng 1 số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả. |  |  |  |  | x | x |  |  |  |
| **4. Nhận biết hình dạng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Gọi tên và chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| **5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5.1 Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. | x | x |  | x |  |  |  |  |  |
| 5.2 Gọi đúng tên các ngày trong tuần, các mùa trong năm. |  |  |  |  | x |  |  | x |  |
| - Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày *(CS110)*  - Nói được ngày trên lốc lịch và giờ trên đồng hồ *(CS111)*  -Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát ***(****CS117****)*** |  |  |  |  | x |  | x | x |  |
| **LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** | | | | | | | | | | |
| **1. Nghe hiểu lời nói** | | | | | | | | | | |
| 1.1 Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”. |  |  |  | x |  |  |  |  |  | **Thơ:**  - Làm quen chữ số, Gà học chữ, Tay ngoan, cô giáo của em, quạt cho bà ngủ, Ơn chị lao công, Bàn tay cô giáo, gửi theo chú bộ đội, Hoa cúc vàng, cây bàng, cây dừa, tết đang vào nhà, Bé tập đi xe đạp,  Bó hoa tặng cô, ảnh Bác.  **\*Truyện:**  - Ai lớn nhất, ai bé nhất, ai đáng khen nhiều hơn, Hai anh em, Cái bát xinh xinh, Bác sĩ chim, Chú gà trống kiêu căng, Đồng dao con cua mà có hai càng, hoa bìm bìm, kiến thi an toàn giao thông, qua đường, Bốn mùa, hồ nước và chị mây, Cô con út của ông mặt trời, Sự tích bánh chưng bánh dày, sơn tinh thủy tinh, đồng dao 36 phố phường, sự tích Hồ Gươm, món quà của cô giáo, gà tơ đi học.  \***Vè, đồng dao:**  **-** Cô nhện, con gà, con mèo,con cóc, đồng dao vui, bịt mắt bắt dê, dung dăng dung dẻ, nu na nu nống, tập tầm vông, kéo cưa lừa xẻ, bà còng, cuội được tiền, đố vui, làng chim, ông sảo ông sao, ông giẳng ông giăng, thằng bờm, thằng cuội, vè nói ngược.  **\* Hoạt động khác:**  - Kể lại câu chuyện theo trí tưởng tượng của trẻ, theo cách của trẻ.  - Kể tên truyện, nhân vật… Trả lời câu hỏi: Ai? Làm gì? Theo nội dung truyện… Hãy kể tiếp theo tôi… Kể xoay vòng. Đặt tên truyện mới. Sắp xếp câu chuyện theo câu hỏi: Ai? Làm gì? Khi nào và kể lại chuyện theo trình tự tranh.. Hiểu nghĩa từ khó, từ mới, từ giàu hình ảnh, từ khái quát... Đoán từ, âm vần của từ.  - Vẽ tranh minh họa truyện. Lựa chọn tranh ảnh phù hợp với nội dung truyện làm sách tự tạo. Kể theo lời thoại truyện. Kể truyện kết hợp rối minh họa truyện.  Xếp tranh theo trình tự truyện. Gắn hình ảnh minh họa: truyệnnào? Ởđâu? Nghe truyện online. Kể lại đoạn truyện. Nhận xét về tính cách nhân vật qua câu hỏi nguyên nhân, kết quả:Do…nên; vì thế…cho nên..  - Đọc thơ diễn cảm.Đọc thơ theo tiết tấu. Đọc đồng dao, ca dao. Đóng kịch. Kể lại truyện. Kể chuyện theo tranh. Kể chuyện sáng tạo,Đóng kịch, Diễn rối.  - Thực hành sử dụng các từ: “Cảm õn”; “Xin lỗi”, “Xin phép”, “Dạ”, “Thýa”..phù hợp với tình huống.trong chế độ sinh hoạt  - Làm sách, tranh chuyện về trường tiểu học.  **LQCC:**  - Làm quen: nét dọc, nét ngang. Nét xiên phải, nét xiên trái. Nét cong hở phải, nét cong hở trái. Nét móc xuôi, nét móc ngược. Nét khuyết trên, nét khuyết dưới. Nét cong tròn khép kín.  -Tập tô nét dọc, nét ngang. Nét xiên phải, nét xiên trái.Nét cong hở phải, nét cong hở trái. Nét móc xuôi, nét móc ngược.Nét khuyết trên, nét khuyết dưới. Nét cong tròn khép kín.  - Làm quen chữ o- ô- ơ, a- ă- â, e- ê, u- ư, i- t- c, b- d- đ, m- n- l, h- k, p- q, g- y, s- x, v- r  **Trò chơi:**  **-** Trò chơi với chữ cái: o- ô- ơ, a- ă- â, e- ê, u- ư, i- t- c, b- d- đ, m- n- l, h- k, p- q, g- y, s- x, v- r  - Phát âm.Ðoán chữ qua khẩu hình, kí hiệu hình. Tìm chữ trong từ. Bù chữ thiếu. Nhận biết, phân biệt chữ cái. Tô, đồ chữ, vẽ chữ cái trên cát… Trang trí chữ rỗng. In chữ cái. Cắt chữ từ tranh ảnh báo… Chữ cái trong tên của trẻ. Tập viết tên của trẻ. Ký hiệu chữ cái. Các bài tập: xâu hạt vòng uốn thành chữ cái, gắp quả bông xếp chữ, dùng xúc giác phát hiện chữ lồi, chữ lõm, chữ mịn, chữ ráp…vẽ chữ trên hộp cát. |
| 1.2 Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...) |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 1.3 Lăng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| **2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 Kể rõ ràng, có trình tự về sự vật, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. |  |  | x | x |  |  |  |  |  |
| 2.2 Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh. |  |  |  |  |  |  | x |  |  |
| 2.3 Dùng được câu đơn, câu phức, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh... |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| 2.4 Miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.5 Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.6 Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay đổi tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện. |  |  |  |  |  | x |  |  |  |
| 2.7 Đóng được vai của nhân vật trong truyện. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.8 Sử dụng các từ: “Cảm ơn”; “Xin lỗi”, “Xin phép”, “Dạ”, “Thưa”..phù hợp với tình huống. | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 2.9 Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh. | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3. Làm quen với việc đọc – viết** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 Chọn sách để “đọc” và xem. | x | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.2 Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân. |  |  |  |  |  | x | x | x |  |
| 3.3 Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách. |  |  |  |  | x | x |  |  |  |
| 3.4 Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông... |  |  |  | x | x | x |  |  |  |
| 3.5 Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng việt. |  |  |  | x | x | x | x | x | x |
| 3.6 Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. |  |  |  |  | x | x | x | x |  |
| - Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói. *(CS 86)*  - Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. *(CS 76)*  - Không nói tục, chửi bậy.  *(CS 78)*  - Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.  *(CS 79)*  - Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách. *(CS 81)*  - Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ *(CS64)* |  | x  x | x | x |  | x |  |  |  | -Quan sát, phát hiện, phát âm các chữ cái trong cuộc sống xung quanh trẻ.  -Dán gáy sách, dán các phần bị bong rách của sách, xếp sách ngay ngắn, cầm sách nhẹ nhàng.  - Dùng câu hỏi để hỏi lại (ví dụ “Chim gi là dì sáo sậu, “dì” nghĩa là gì?)  - Hướng dẫn trẻ chơi ở góc sách, tìm kiếm sách. Chữ viết (truyện viết về gì? Cái đó viết về gì? Chữ đó viết như thế nào? Ai viết?)  - Dậy trẻ để sách đúng nơi qui định.  - Giữ gìn sách: không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngồi, dẫm,.. lên sách.  - Có thái độ tốt đối với sách.(buồn, không đồng tình khi bạn làm hỏng sách; áy náy lo lắng khi nhìn thấy sách bị hỏng, rách,...)  - Dạy trẻ kể lại được những truyện đồng thoại, ngụ ngôn ( truyện cười ) ngắn, đơn giản ( ví dụ: Rau thìa là, Tại sao đuôi thỏ lại ngắn, Hai gấu con qua cầu, Chú dê đen…)  - Dạy trẻ có sự hiểu biết về nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao... đã nghe biểu hiện qua khả năng phản ứng phù hợp với các câu hỏi của giáo viên và qua các hoạt động vẽ, đúng kịch, hát, vận động và kể lại chuyện theo đỳng trình tự... |
| **LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI** | | | | | | | | | | |
| **1. Thể hiện ý thức về bản thân** | | | | | | | | | | |
| 1.1 Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại. | x | x |  |  |  |  |  |  |  | **-** Trò chuyện với trẻ về tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại: hoạt động học, trò chuyện.  - Dạy trẻ nhận biết sở thích của bản thân: lập biểu đồ, trò chuyện.  - Dạy trẻ nhận biết điểm giống và khác nhau của mình với người khác: quan sát, trò chuyện.  - Dạy trẻ nhận biết vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học: đàm thoại, thực hành. |
| 1.2 Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được. | x | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.3 Nói được mình có điểm gì giống và khác nhau (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| 1.4 Biết mình là con / cháu / anh / chị/ em trong gia đình. | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| 1.5 Biết vâng lời , giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức. |  |  |  |  | x | x |  |  |  |
| **2. Thể hiện sự tự tin, tự lực** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...) |  |  |  | x | x | x | x |  |  | - Hướng dẫn trẻ thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...): thực hành  Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ...qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác: chế độ sinh hoạt trong ngày.  - Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ: chế độ sinh hoạt trong ngày.  - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình: làm sản phẩm, trò chuyện, thực hành, bài tập tình huống.  - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn: chế độ sinh hoạt trong ngày.  - Kính yêu Bác Hồ: nghe chuyện, hát, đọc thơ, xem clip, trò chuyện, làm sản phẩm tạo hình.  - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước: Xem clip, trò chuyện, làm sản phẩm tạo hình. |
| 2.2 Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. |  |  |  | x | x | x |  |  |  |
| **3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ...qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác. |  |  | x | x |  |  |  |  |  |
| 3.2 Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. |  |  |  |  |  | x | x | x | x |
| 3.3 Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. |  |  |  | x | x |  |  |  |  |
| 3.4 Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...) |  |  |  |  |  |  |  | x | x |
| 3.5 Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. |  |  |  |  |  |  |  | x | x |
| 3.6 Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.  - Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích |  |  |  |  |  | x | x | x | x |
| **4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4.1 Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép. |  |  |  |  | x | x |  |  |  | - Thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường): bài tập, tình huống thực tế, trò chuyện.  - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự: chế độ sinh hoạt trong ngày.  - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận: chế độ sinh hoạt trong ngày. |
| 4.2 Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. |  | x |  |  | x | x |  |  |  |
| 4.3 Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác. |  |  | x |  |  | x |  |  |  |
| 4.4 Biết chờ đến lượt. |  |  |  |  | x | x | x |  |  |
| 4.5 Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. | x |  | x |  | x |  | x |  |  |
| 4.6 Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn) | x | x |  |  |  |  |  |  |  |
| **5. Quan tâm đến môi trường** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5.1 Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc |  |  |  | x | x |  |  |  |  | - Làm bài tập, tình huống thực tế, thực hành chăm sóc con vật, chăm sóc cây  - Làm bài tập, tình huống thực tế, thực hành vứt rác đúng nơi qui định.  - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”: bài tập và xử lý tình huống thực tế.  -Thực hành tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau, khi dùng, không để thừa thức ăn: Làm bài tập và tình huống thực tế. |
| 5.2 Bỏ rác đúng nơi quy định |  |  |  |  |  | x | x | x | x |
| 5.3 Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không vứt rác bừa bãi, bẻ cành, ngắt hoa...) |  |  |  |  |  | x | x |  |  |
| 5.4 Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau, khi dùng, không để thừa thức ăn. |  |  |  |  |  | x | x | x | x |
| - Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân. *(CS 28)*  - Có nhóm bạn chơi thường xuyên (CS46)  - Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân*(CS58)*  - Biết kiềm chế những cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. *(CS 41)* |  |  | x | x |  | x  x |  |  |  | - Hướng dẫn trẻ chọn và giải thích được lí do chọn trang phục phù hợp với thời tiết (nóng, lạnh, khi trời mưa). Bạn gái ngồi khép chân khi mặc váy. Bạn trai sẵn sàng giúp đỡ ban gái trong những việc nặng hơn khi được đề nghị.  - Tham gia các hoạt động trong chế độ sinh hoạt 1 ngày.  - Dạy trẻ biết khả năng của một số người gần gũi (VD: bạn Thanh vẽ đẹp; bạn Nam chạy rất nhanh; chú Hùng rất khoẻ; mẹ nấu ăn rất ngon).  - Cho trẻ xem tranh ảnh trò chuyện về những hành vi tiêu cực (như đánh bạn, cào cấu, cắn, gào khóc, quăng quật đồ chơi,... |
| **LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ** | | | | | | | | | | |
| **1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật** (âm nhạc, tạo hình) |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **\*Hát:**  - Chµo ngµy míi,Khuôn mặt cười, Bàn tay mẹ,  - C¶ nhµ ®Òu yªu, ChÞ lµm ®Ñp ®­­êng phè, Cháu yêu cô thợ dệt,Cua và cò, cháu yêu màu áo xanh, Em đi trồng cây, LÝ c©y b«ng, Bé chúc tết, đi xe đạp, Em đi qua ngã tư đường phố, Khúc ca bốn mïa, M­­a r¬i, Biểu diễn văn nghệ tổng hợp. Hoa ®Ñp Thñ ®«,  Cháu vẫn nhớ trường mầm non, em là ong ngoan,  Cùng lang liêu làm bánh, Khúc ca bốn mïa, Cháu vẫn nhớ trường mầm non.  **\*VĐTN:**  - Đêm trung thu, Cả tuần đều ngoan, những khúc nhạc hồng, Tập rửa mặt, Bà còng,Hai chú gà trống con, Biển chỉ đường, từ một ngã tư đường phố,  Vỗ tay rheo tiết tấu phối hợp bông hoa mừng cô, vỗ tay theo tiết tấu: cháu vẽ ông mặt trời, chấu vẫn nhớ trường mầm non, Vỗ tay theo phách bài quê hương tươi đẹp, Tạm biệt búp bê, Nhớ ơn Bác.  Cô giáo,Cháu yêu cô thợ dệt,  Sắp đến tết rồi, Đường em đi,  ***\**Nghe hát:**  - Chiếc đèn ông sao, Trường làng tôi,  Những khúc nhạc hồng, thật đáng chê,  Bà thương em, lòng mẹ, Niềm vui gia đình,Em đi trên biển vàng, Cháu thương chú bộ đội, Gà gáy le te, Tôm cua cá thi tài, màu áo chú bộ đội, Lý cây xanh, anh nông dân và cây rau, mùa xuân, Nhớ lời cô dặn, Anh phi công ơi, từ một ngã tư đường phố, giọt mưa và em bé, Mưa bóng mây, reo vang bình minh, đi học, Hà Nội những công trình, Việt Nam quê hương tôi, cô giáo miền xuôi, Em yêu trường em, Bác Hồ một tình yêu bao la,  - Mùa xuân và cô mẫu giáo,  Bác đưa thư vui tính,Biểu diễn văn nghệ theo chủ đề, Tôm cua cá thi tài, Tự chọn, Gấu đen đáng yêu, Ve và kiến, Hạt gạo làng ta, Hoa thơm bướm lượn, Ngày tết quê em,  Chúc tết, Nhớ lời cô dặn,  ánh trăng hòa bình, Hạt mưa, giọt mưa và em bé,  Em yêu trường em.  **\*TCAN:**  -Thi vỗ tay theo nhịp trống, nghe nhạc đoán tên bài hát, bắt chước âm thanh, tai ai tinh, tiếng hát to tiếng hát nhỏ, tai ai tinh, nghe giai điệu đoán tên bài hát, ai nhanh nhất, đô mi son la, hát theo tay cô, xướng âm theo đàn, bò như cua bơi như cá theo hiệu lệnh xắc xô, nghe tiếng kêu đoán tên con vật, giọng hát cao giọng hát thấp, nhìn hình ảnh đoán tên bài hát, nghe tiếng hát tìm hoa trong vườn, ai nhanh nhất, sol mi, xướng âm theo đàn, nhìn hình ảnh đoán tên bài hát, nghe giai điệu đoán tên bài hát, nghe âm thanh đoán tên phương tiện giao thông, hát theo tín hiệu giao thông, nghe aam thanh đoán tên dụng cụ âm nhạc, thi xem tổ nào nhanh, nghe âm thanh đoán tên dụng cụ âm nhạc, la theo giai điệu bài hát, tai ai tinh, Nghe tiếng hát đoán tên bài hát  **\*Hoạt động khác**  -Hát và vận động theo nhạc chủ đề trường mầm non, hát và vận động về ngày tết trung thu, hát và vận động theo nhạc về các bài hát theo chủ điểm, hát và vận động các bài hát về bản thân và gia đình, hát và vận động về bẩn thân: cái mũi, mời bạn ăn...hát và vận động bài hất về gia đình, hát và vận động bài hát về chú gà, hát và làm các động tác minh họa vè các bài hát về các con vật sống dưới nước, đọc thơ, ca dao, đồng dao, hát biểu diễn các bài trong chủ điểm, chơi nhạc cụ nghe âm thanh, nghe hát và vận động bài hát theo nhạc về con vật sống trong rừng, hát làm động tác minh họa các bài hát về các con côn trùng, hát và vận động theo nhạc bài hát về phương tiện ***.***  - Làm quen một số nhạc cụ quen thuộc. Luyện kỹ năng biểu diễn trên sân khấu. Tạo ra nhạc cụ từ các nguyên liệu khác nhau. Làm quen nhạc cụ dân tộc và nước ngoài. Biểu diễn những bài đã học. Tập đặt lời mới cho bài hát quen thuộc. Giao lưu âm nhạc.  giao thông mà bé thích, hát và vận động theo nhạc các bài hát về thiên nhiên, về nước, hát và vận động theo nhạc bài hát về ông mặt trời, mặt trăng, ngôi sao, hátvà vận động các bài hát về mùa hè.  **\*Tạo hình:**  **+Cắt, gấp**  Cát dán đồ dùng trong gia đình, cắt dán hình ảnh 2-3 hình nghề, họa báo, cắt dán trang phục mà bé thích, cắt dán hoa, cắt dán phương tiện giao thông đường bộ, cắt dán hình ảnh về Bác Hồ, cắt dán trang trí đồ dùng học tập, gấp dán máy bay, gấp dán thuyền trên biển.  **+ Xé, dán**  -Xé dán đàn vịt, xé dán con công, xé dán vườn cây ăn quả, xé dán hiện tượng thiên nhiên, xé dán con chuồn chuồn, xé dán cảnh đẹp quee hương mà bé thích, xé dán đồ chơi ngoài trời trong trường mầm non  + **Vẽ, nặn**  **-**Vẽ chân dung cô giáo, Vẽ đồ dùng của bác cấp dưỡng, trang trí khuôn mặt bạn trai, bạn gái từ đĩa VCD hỏng hoặc đĩa nhựa dùng 1 lần, vẽ ngôi nhà, vẽ người thân trong gia đình, vẽ trang trí hình tròn, vẽ chân dung bác sĩ, vẽ chú bộ đội, vẽ con gà trống, vẽ con cá heo, vẽ con vật mà bé thích, vẽ trang trí hoa trên băng giấy, vẽ vườn rau, vẽ cành đào cành mai ngày tết, vẽ phương tiện giao thông, vẽ cầu vồng sai cơn mưa, nặn phao bơi, nặn một số loại rau ăn củ, rau ăn quả, nặn cột cờ Hà Nội.  \***Hoạt động khác**:  - Vẽ đường đến, lớp, tô màu theo tranh, làm đồ chơi từ nguyên liệu có sẵn, vẽ trường mầm non của bé, vẽ cô giáo, vẽ đồ chơi trong ngày tết trung thu, nặn bánh trung thu, mâm ngũ quả, tô màu, nặn, cắt xé dán một số bộ phận trên cơ thể bé, chơi công ty sannr xuất rau quả, làm đồ chơi rau quả, cắt dán vẽ nặn các loại thực phẩm( 4 nhóm thực phẩm), Vẽ, tô màu, nặn, xé dán các đồ chơi, nặn cá, tô màu, cắt dán cầu vồng, cơn mưa, trời nắng, trời mưa, vẽ cắt dán một số hiện tượng thiên nhiên, vẽ, cắt, xé dán, nặn và làm đồ chơi, vẽ cắt xé dán sưu tầm hình ảnh quê hương, vẽ, cắt, xé dán hoa dây trang trí lớp học mừng sinh nhật Bác Hồ, Vẽ cắt xé dán trường tiểu học, tô màu cắt xé dán làm một số đồ dùng, dụng cụ của nghề vệ sinh môi trường, làm đồ chơi từ nguyên liệu sẵn có.  Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.  Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. |
| 1.1 Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 1.2 Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc. | x | x | x | x |  |  |  |  |  |
| 1.3 Thích thú ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình. | x | x | x | x | x | x | x | x |  |
| **2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc** (hát, vận động theo nhạc) **và hoạt động tạo hình** (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình). |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cẩm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 2.2 Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa). | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 2.3 Phối hợp và lựa chọn các ngyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. |  |  |  | x | x | x | x |  |  |
| 2.4 Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 2.5 Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. |  |  | x | x | x | x |  | x | x |
| 2.6 Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối. |  |  |  |  |  | x | x | x | x |
| 2.7 Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 2.8 Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục. | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| **3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật** (âm nhạc, tạo hình) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 3.2 Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.3 Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. | x | x | x | x |  |  |  | x |  |
| 3.4 Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. |  |  |  |  |  | x | x | x | x |